

Số: 2018 /CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2025

V/v mời báo giá cung cấp dịch vụ tư
vấn xây dựng định mức công tác bảo
dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Sông
Hậu 1 và Thái Bình 2

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) là Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Hiện nay, Chi nhánh đang triển khai thực hiện xây dựng định mức công tác Bảo dưỡng sửa chữa NMNĐ Sông Hậu 1 và NMNĐ Thái Bình 2. Chi nhánh kính mời các Quý Công ty có năng lực kinh nghiệm quan tâm và cung cấp báo giá cho công tác xây dựng định mức nói trên với các yêu cầu cụ thể về Phạm vi công việc, Cơ sở pháp lý và Phương pháp, nội dung xác định định mức, Phương thức tổ chức thực hiện, Tiến độ thực hiện và sản phẩm, Yêu cầu về nhân sự... như Phụ lục đính kèm.

Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi đại diện đủ thẩm quyền của Quý Công ty và gửi tới Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tầng 18, Tòa nhà Dầu khí Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Hà Nội không muộn hơn ngày 20/10/2025. File mềm (soft copy) xin gửi về địa chỉ email: nhanbaogia.hn@pvpqb.vn và ngabt@pvpqb.vn. Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ: Bà Bùi Thị Thanh Nga – Phòng Thương mại - SĐT: 0904217879.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc CN (để b/c);
- Các PGĐCN (e-copy);
- Lưu: VT, TM.





Nguyễn Thành Nam

PHỤ LỤC
PHẠM VI CÔNG VIỆC
XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC CHO CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA NHÀ
MÁY NHIỆT ĐIỆN (NMNĐ) SÔNG HẬU 1 VÀ THÁI BÌNH 2
(Đính kèm Công văn số 2018/CNPĐ-TM ngày 08/10/2025)

I. GIỚI THIỆU

1.1. Khái quát về dự án

a. NMNĐ Sông Hậu 1

- Vị trí địa lý: NMNĐ Sông Hậu 1 tọa lạc vị trí nam sông Hậu, địa chỉ Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành Phố Cần Thơ.

- Công nghệ Nhà máy: Công suất lắp đặt Nhà máy 1200MW (bao gồm 02 Tổ máy, mỗi Tổ máy 600MW), cấu hình mỗi Tổ bao gồm: 1 Lò hơi, 1 Tuabin và 1 máy phát. Lò hơi kiểu lò than phun thông số siêu tới hạn, trực lưu, đốt trực tiếp, quá nhiệt trung gian 01 lần, sử dụng công nghệ vôi đốt giảm NOx; thông số hơi đầu vào Tuabin siêu tới hạn. Nhà máy sử dụng than nhập khẩu (than bitum, á bitum) với lượng tiêu thụ hằng năm khoảng 03 triệu tấn.

- Các cột mốc chính Nhà máy:

- + Ngày 10/4/2015: Ký hợp đồng EPC;
- + Ngày 16/5/2015: Khởi công dự án;
- + Ngày 28/7/2020: Đốt lửa lần đầu Lò hơi Tổ máy S1;
- + Ngày 05/11/2020: Đốt lửa lần đầu Lò hơi Tổ máy S2;
- + Ngày 26/11/2020: Phát điện, hòa đồng bộ Tổ máy S1;
- + Ngày 27/01/2020: Phát điện, hòa đồng bộ Tổ máy S2;
- + Ngày 04/5/2022: Ký hợp đồng mua bán điện NMNĐ Sông Hậu 1 giai đoạn vận hành Thương mại;
- + Ngày 01/6/2022: Tham gia thị trường điện.

b. NMNĐ Thái Bình 2

- Vị trí địa lý: NMNĐ được xây dựng tại Trung tâm điện lực Thái Bình xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.

- Công nghệ Nhà máy: Công suất lắp đặt Nhà máy 1.200 MW (bao gồm 02 Tổ máy, mỗi Tổ máy 600 MW), cấu hình mỗi Tổ bao gồm: 1 lò hơi 1 tuabine 1 máy phát điện. Lò hơi công nghệ than phun trực tiếp cận tới hạn, ngọn lửa chữ W, tái tuần hoàn tự nhiên một cấp, Tuabine – máy phát loại 3 thân đồng trục. Nhà máy sử dụng than nội địa (than cám 5a.10, 5a.14) với lượng tiêu thụ hằng năm khoảng 03 triệu tấn.

- Các cột mốc chính của Nhà máy:

- + Tháng 11/10/2011: Ký hợp đồng EPC;
- + Tháng 7/2012: Khởi công dự án;

- + Ngày 22/3/2025: Đốt lửa lần đầu Lò hơi Tổ máy S1;
- + Ngày 27/8/2022: Đốt lửa lần đầu Lò hơi Tổ máy S2;
- + Ngày 19/5/2022: Phát điện, hòa đồng bộ Tổ máy S1;
- + Ngày 7/10/2022: Phát điện, hòa đồng bộ Tổ máy S2;
- + Vận hành thương mại: Ngày 01/08/2024.

1.2. Giới thiệu về Gói thầu

a. NMNĐ Sông Hậu 1

- Các hệ thống chính của Nhà máy:

+ Lò hơi và các hệ thống phụ trợ lò hơi: Bản thể lò hơi; Hệ thống cung cấp nhiên liệu; Hệ thống nghiền than; Hệ thống thải tạp vật máy nghiền; Hệ thống thải xỉ; Hệ thống lọc bụi ESP; Hệ thống vận chuyển tro bay; Hệ thống khử lưu huỳnh FGD; Hệ thống cung cấp dầu Diesel; Hệ thống khói gió,..

+ Tuabin và các hệ thống phụ trợ Tuabin: Tuabin và bảng thể tuabin; Hệ thống bôi trơn Tuabin; Tuabin và bảng thể tuabin dẫn động bơm nước cấp; Hệ thống bôi trơn Tuabin dẫn động bơm nước cấp; Hệ thống thủy lực điều khiển các van cấp hơi vào tuabin; Hệ thống chân không bình ngưng; Hệ thống bơm bi làm sạch bình ngưng; Hệ thống bơm nước tuần hoàn làm mát bình ngưng; Hệ thống nước làm mát phụ; Hệ thống nước ngưng; Hệ thống nước cấp; Hệ thống nước làm mát kín;..

+ Máy phát và hệ thống phụ trợ máy phát: Máy phát và bản thể máy phát; Hệ thống nhớt chèn máy phát; Hệ thống nước làm mát stator máy phát...

+ Hệ thống phụ trợ chung Nhà máy: Hệ thống máy phát Diesel khẩn; Hệ thống khí nén dịch vụ, điều khiển; Hệ thống xử lý nước Demin; Hệ thống xử lý nước thải; Hệ thống sản xuất khí Hydro...

+ Hệ thống điện: Hệ thống điện tự dùng; Máy biến áp chính; Máy biến áp tự dùng; Hệ thống giám sát máy biến áp...

- Những kỳ BDSC định kỳ đã thực hiện:

- + Tiểu tu 2 Tổ máy năm 2023; năm 2024;
- + Trung tu 2 Tổ máy năm 2025.

b. NMNĐ Thái Bình 2

- Các hệ thống chính của Nhà máy:

- + Hệ thống lò hơi, phụ trợ lò hơi;
- + Hệ thống Lọc bụi tĩnh điện;
- + Hệ thống Khử NOX, SOX;
- + Hệ thống Tuabin – máy phát;
- + Hệ thống xử lý nước và nước thải;
- + Hệ thống trạm bơm nước làm mát hoàn;

- + Hệ thống vận chuyển than;
- + Hệ thống trạm bơm nước ngọt;
- + Hệ thống phòng cháy chữa cháy;
- Những kỳ BDSC định kỳ đã thực hiện:
- + Tiểu tu 2 Tổ máy năm 2024;
- + Trung tu Tổ máy S1, tiểu tu Tổ máy S2 năm 2025.

1.3. Mục đích lựa chọn nhà thầu Tư vấn

Lựa chọn nhà thầu Tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện xây dựng định mức công tác bảo dưỡng sửa chữa (BDSC) cho NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 nhằm đảm bảo xác định chi phí bảo dưỡng sửa chữa phù hợp với biện pháp và điều kiện thi công thực tế, tuân thủ quy định hiện hành của Nhà nước và Quy định mua sắm của Chi nhánh Phát điện Dầu khí.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD.

III. PHẠM VI CÔNG VIỆC

3.1. Danh mục công tác BDSC của NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2

Danh mục công tác BDSC của NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 được xác định trên cơ sở Tài liệu O&M, Hồ sơ kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa định kỳ tại NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2. Do NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 từ khi đưa vào vận hành khai thác đến nay mới thực hiện tiểu tu, trung tu (bắt đầu từ năm 2025 mới thực hiện) và đến cuối năm 2027 mới bắt đầu đại tu tổ máy số 1 NMNĐ Sông Hậu 1. Trong giai

đoạn này chưa thể chuẩn xác được danh mục công tác BDSC của hai Nhà máy. Đồng thời tham khảo danh mục định mức sửa chữa lớn thiết bị NMNĐ đốt than gam công suất tổ máy 600MW do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành (tại Quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 05/4/2022) và danh mục công tác BDSC thường xuyên, BDSC định kỳ tại NMNĐ Vũng Áng 1 để dự kiến danh mục định mức như Bảng 1, Bảng 2 dưới đây:

Bảng 1. Danh mục công tác BDSC thường xuyên (dự kiến)

TT	Nội dung công việc	Số lượng định mức
1	Định mức BDSC thường xuyên phần Lò hơi và thiết bị phụ	100
2	Định mức BDSC thường xuyên phần Tuabin và thiết bị phụ	110
3	Định mức BDSC thường xuyên phần BOP	210
4	Định mức BDSC thường xuyên phần Điện và C&I	140
	Tổng cộng	560

Bảng 2. Danh mục công tác BDSC định kỳ (dự kiến)

TT	Nội dung công việc	Số lượng định mức
1	Định mức BDSC định kỳ phần Lò hơi và thiết bị phụ	230
2	Định mức BDSC định kỳ phần Tuabin và thiết bị phụ	190
3	Định mức BDSC định kỳ phần BOP	210
4	Định mức BDSC định kỳ phần Điện và C&I	170
	Tổng cộng	800

3.2. Phạm vi công việc của Gói thầu

Phạm vi công việc của Gói thầu “Tư vấn xây dựng định mức công tác bảo dưỡng sửa chữa nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 và Thái Bình 2” gồm BDSC thường xuyên và BDSC định kỳ; đồng thời nhiệm vụ của đơn vị Tư vấn bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung chính sau:

- Trên cơ sở danh mục các công việc cần xây dựng định mức (dự kiến tại Bảng 1 và Bảng 2), Tư vấn rà soát danh mục quy trình, đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục cần xây dựng định mức (nếu có) trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo phù hợp với hồ sơ kỹ thuật BDSC thường xuyên và BDSC định kỳ;

- Tư vấn xây dựng định mức phù hợp với phương án BDSC cho từng hạng mục, biện pháp thi công, điều kiện kỹ thuật của công trình và đảm bảo tuân thủ các quy định

hiện hành;

- Thực hiện các công việc cần thiết khác để các định mức xây dựng nêu trên được phê duyệt;

- Đơn vị Tư vấn chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của phương pháp lập định mức, kết quả lập định mức công việc do Tư vấn lập ra và phải chịu trách nhiệm giải trình, làm rõ, chứng minh tính đúng đắn của phương pháp lập định mức, kết quả lập định mức nêu trên khi có yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền.

IV. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG XÁC ĐỊNH ĐỊNH MỨC

4.1. Phương pháp xác định định mức

Định mức công tác BDSC cho NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 được xác định trên cơ sở vận dụng phương pháp xác định định mức tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD, cụ thể:

(1) Theo số liệu thống kê các số liệu và nội dung công việc từ các hồ sơ tài liệu về công tác BDSC đã thực hiện trong quá khứ.

(2) Theo số liệu khảo sát ghi chép thực tế trong công tác BDSC tại NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 bao gồm: vật tư tiêu hao, nhân công và máy thi công thực hiện.

(3) Nghiên cứu, kế thừa nội dung phù hợp của các định mức sửa chữa do Tập đoàn điện lực Việt Nam ban hành hoặc định mức bảo dưỡng sửa chữa đang sử dụng tại một số NMNĐ để đề xuất định mức.

4.2. Nội dung xây dựng định mức

4.2.1. Đối với xác định định mức BDSC thường xuyên

Bước 1: Thu thập và nghiên cứu các tài liệu phục vụ cho công tác xây dựng định mức

- Các báo cáo khảo sát chi tiết của các thiết bị trong nhà máy;
- Tài liệu O&M, khuyến cáo của nhà chế tạo thiết bị;
- Căn cứ vào báo cáo công tác BDSC thiết bị của NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 (bắt đầu từ lúc chạy thử của 2 Nhà máy đến nay);
- Phiếu công tác BDSC thường xuyên đã thực hiện tại NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 trong những năm vừa qua.

Bước 2: Xác định danh mục định mức BDSC thường xuyên

Xác định các danh mục công tác BDSC thường xuyên cần xây dựng định mức dự toán. Danh mục công tác phải đảm bảo yêu cầu thể hiện rõ đơn vị tính khối lượng và yêu cầu về thiết kế, biện pháp thi công chủ yếu của công tác.

Bước 3: Xác định thành phần công việc

Thành phần công việc của định mức mỗi công tác BDSC thường xuyên phải thể hiện rõ các bước công việc thực hiện của từng công đoạn BDSC thường xuyên từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành theo phương án thiết kế, biện pháp thi công và phạm vi thực hiện công việc BDSC thường xuyên của nhà máy.

Bước 4: Tính toán hao phí định mức

Định mức BDSC thường xuyên của NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 được tính toán trên cơ sở:

- Kết hợp kinh nghiệm của các chuyên gia đưa ra phạm vi theo hệ thống thiết bị, cụm thiết bị có đặc tính kỹ thuật tương đồng;

- Xây dựng định mức cho công tác BDSC cho NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 là sự kế thừa các định mức đã vận dụng của các Tập đoàn, Tổng công ty trên cơ sở xem xét thiết kế, cấu tạo cụ thể của các thiết bị NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2; Công tác xây dựng đồng thời căn cứ trên cơ sở đặc tính công nghệ, thông số kỹ thuật của thiết bị, điều kiện và biện pháp thi công được xác định theo đơn vị tính phù hợp để thực hiện công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đó đảm bảo duy trì ổn định sản xuất.

4.2.2. Đối với công tác xác định định mức BDSC định kỳ

Định mức BDSC định kỳ của NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 được xác định như sau:

- Xác định trên cơ sở sử dụng định mức công tác BDSC định kỳ đã được áp dụng tại một số NMNĐ đốt than và đồng thời đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, phương án kỹ thuật BDSC cho từng hạng mục, nhật ký BDSC mà các Nhà máy đã thực hiện để đề xuất định mức;

- Số liệu khảo sát thực tế quá trình BDSC định kỳ (tiểu tu, trung tu, đại tu) tại NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2. Việc khảo sát thu thập số liệu thực tế được vận dụng theo phương pháp xác định định mức trong Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD, cụ thể:

- + Về hao phí vật liệu: Xác định trên cơ sở thống kê khối lượng vật tư, vật liệu thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ theo phương án thiết kế, biện pháp thi công cho một khối lượng công tác của đơn vị tính định mức.

- + Về hao phí nhân công: Theo dõi, thống kê số lượng thợ, bậc thợ, thời gian thực hiện tác nghiệp công tác sửa chữa theo phương án thiết kế, biện pháp thi công cho một khối lượng công tác của đơn vị tính định mức.

- + Về hao phí máy thi công: Khảo sát thời gian làm việc, thời gian chờ, thời gian chuyển giao ca của các loại máy thi công trong ca làm việc theo phương án thiết kế, biện pháp thi công kể cả máy phục vụ cho một khối lượng công tác của đơn vị tính định mức.

Căn cứ phương án thiết kế, biện pháp thi công BDSC định kỳ, điều kiện sửa chữa các công tác cụ thể của NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 xác định danh mục công tác

bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và lựa chọn phương pháp tính toán xây dựng định mức cho phù hợp với đặc thù của từng công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ của từng Nhà máy. Theo đó, định mức BDSC định kỳ của NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 như sau:

Bước 1: Thu thập và nghiên cứu hồ sơ

- Các báo cáo khảo sát chi tiết của các thiết bị trong nhà máy;
 - Tài liệu O&M, khuyến cáo của nhà chế tạo thiết bị;
 - Căn cứ vào báo cáo công tác BDSC thiết bị của NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 (bắt đầu từ lúc chạy thử của 2 Nhà máy đến nay);
 - Nghiên cứu toàn bộ hồ sơ, nội dung liên quan đến công tác xây dựng định mức dự toán công tác BDSC định kỳ NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2;
 - Nghiên cứu trình tự các bước thực hiện của từng loại công tác BDSC định kỳ;
 - Nghiên cứu hồ sơ BDSC định kỳ (yêu cầu kỹ thuật; quy trình kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; biện pháp tổ chức thi công sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; các tài liệu có liên quan đến công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị,...) của NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2;
 - Nghiên cứu phương án thiết kế, biện pháp tổ chức thi công của từng loại công tác BDSC định kỳ;
 - Hồ sơ, tài liệu và số liệu của một số dự án đã và đang thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các thiết bị NMNĐ:
- + Quyết định số 747/QĐ-GENCO2 ngày 15/12/2015 của Tổng Công ty Phát điện 2 về việc ban hành tạm thời định mức sửa chữa lớn Tổ máy nhiệt điện đốt than công suất 300MW và Quyết định số 22/QĐ-EVN ngày 31/01/2019 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
 - + Quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 05/4/2022 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành bộ định mức sửa chữa lớn NMNĐ đốt than gam công suất tổ máy 600MW;
 - + Số liệu thống kê, định mức dự toán công tác sửa chữa lớn của một số NMNĐ đốt than tổ máy 300MW.

Bước 2: Lập danh mục công tác

Xác định các danh mục công tác BDSC định kỳ cần xây dựng định mức dự toán. Danh mục công tác phải đảm bảo yêu cầu thể hiện rõ đơn vị tính khối lượng và yêu cầu về thiết kế, biện pháp thi công chủ yếu của công tác.

Bước 3: Xác định thành phần công việc

Thành phần công việc của định mức mỗi công tác phải thể hiện rõ các bước công việc thực hiện của từng công đoạn BDSC định kỳ từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành theo phương án thiết kế, biện pháp thi công và phạm vi thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ nhà máy.

Bước 4: Tính toán xác định hao phí vật liệu, nhân công, máy thi công

Hao phí vật liệu, nhân công, máy thi công được điều chỉnh hoặc tính toán trên cơ sở phương án thiết kế, biện pháp thi công (thể hiện rõ về vật tư, vật liệu chính; bố trí nhân lực, thiết bị) và thời gian để thực hiện công tác BDSC định kỳ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Công tác chuẩn bị

- Thành lập Tổ công tác thực hiện công tác xây dựng định mức;
- Trang bị phương tiện kỹ thuật: Đồng hồ bấm giờ, máy ảnh, camera, máy tính xách tay;
- Tập hợp các hồ sơ tài liệu liên quan cần thiết phục vụ công tác xây dựng định mức BDSC thường xuyên và BDSC định kỳ.

5.2. Công tác ngoại nghiệp

- Lập biểu mẫu khảo sát cho các loại công tác;
- Tổ chức theo dõi, đo đếm, ghi chép các số liệu vào các biểu mẫu khảo sát để xác định hao phí vật liệu, nhân công, máy thi công cho một đơn vị khối lượng thực hiện trong một chu kỳ, nhiều chu kỳ trên dây chuyền thi công thống nhất;
- Thực hiện ghi hình, chụp ảnh, xác định thời gian tác nghiệp trực tiếp thi công hoàn thành sản phẩm.

5.3. Công tác nội nghiệp

Trên cơ sở số liệu của công tác ngoại nghiệp và các tài liệu liên quan.

- Lập biểu thống kê theo mẫu thống nhất.
- Tính toán xác định mức các hao phí về vật liệu, nhân công, máy thi công cho từng công tác xây dựng.
- Dự thảo định mức, thông qua nội dung, báo cáo trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

VI. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ SẢN PHẨM

Đơn vị Tư vấn xây dựng Bộ định mức công tác BDSC cho NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 trong vòng 04 năm: Bắt đầu từ năm 2026 đến hết năm 2029, cụ thể:

6.1. Đối với định mức BDSC thường xuyên

Căn cứ theo hồ sơ kỹ thuật, chu kỳ BDSC thường xuyên của NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2. Để thực hiện được công việc tư vấn xây dựng định mức BDSC thường xuyên, đơn vị Tư vấn thực hiện 06 đợt khảo sát thu thập thông tin dữ liệu để phục vụ công tác xây dựng định mức, trong đó NMNĐ Sông Hậu 1 thực hiện 03 đợt khảo sát thu thập thông tin dữ liệu, NMNĐ Thái Bình 2 thực hiện 03 đợt khảo sát thu thập thông tin dữ liệu.

- Mỗi đợt khảo sát tối thiểu 03 người.
- Thời gian cho 01 đợt khảo sát thực hiện dự kiến 15 ngày.

- Tiến độ thực hiện xây dựng định mức dự toán của công tác BDSC thường xuyên cho một NMNĐ là 120 ngày làm việc không liên tục. Tiến độ thực hiện xây dựng định mức BDSC thường xuyên như sau:

Bảng 3. Tiến độ thực hiện xác định định mức BDSC thường xuyên

Stt	Nội dung	Số ngày thực hiện	Dự kiến thời gian
1	Thu thập và nghiên cứu hồ sơ dữ liệu	10 ngày	01/2026 - 3/2026
2	Xác định danh mục định mức, tên công tác, mã hiệu định mức, đơn vị tính định mức; thành phần công việc của từng công tác	30 ngày	3/2026 - 5/2026
3	Thu thập thông tin số liệu, dữ liệu phục vụ xây dựng định mức BDSC thường xuyên	30 ngày	6/2026 - 8/2026
4	Tính toán xác định định mức (hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công)	45 ngày	9/2026 - 11/2026
5	Báo cáo kết quả xác định định mức (sau ý kiến góp ý nếu có)	5 ngày	12/2026

6.2. Đối với định mức BDSC định kỳ

Căn cứ theo hồ sơ kỹ thuật, chu kỳ BDSC định kỳ của NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2. Tiến độ thực hiện công tác xây dựng định mức BDSC định kỳ là 300 ngày làm việc không liên tục, cụ thể:

a) Dự kiến thời gian xây dựng định mức:

Bảng 4. Tiến độ thực hiện xác định định mức BDSC định kỳ

Stt	Nội dung	Dự kiến thời gian
I	Trung tu (đợt 1)	
1	Thu thập và nghiên cứu hồ sơ dữ liệu	Từ 01/01-31/01/2026
2	Xác định danh mục định mức, tên công tác, mã hiệu định mức, đơn vị tính định mức	Từ 01/02-28/02/2026
3	Xác định thành phần công việc của từng công tác BDSC	Từ 01/3-30/4/2026
4	Khảo sát thu thập số liệu, dữ liệu đã thực hiện tại NMNĐ Thái Bình 2 và Sông Hậu 1 + Tại NMNĐ Thái Bình 2: thông tin số liệu, dữ liệu đã thực hiện Trung tu tổ máy số 1; + Tại NMNĐ Sông Hậu 1: thông tin số liệu, dữ liệu đã thực hiện Trung tu tổ máy số 1 và tổ máy số 2	Từ 01/3-30/5/2026

Stt	Nội dung	Dự kiến thời gian
5	Tính toán xác định định mức (hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công)	Từ 01/6-31/8/2026
6	Dự thảo báo cáo kết quả xác định định mức (Trung tu đợt 1)	Từ 01/9-30/9/2026
II	Tiểu tu (đợt 1)	
1	Thu thập và nghiên cứu hồ sơ dữ liệu	Từ 01/4-30/4/2026
2	Xác định danh mục định mức, tên công tác, mã hiệu định mức, đơn vị tính định mức	Từ 01/5-31/5/2026
3	Xác định thành phần công việc của từng công tác BDSC	Từ ngày 01/6-31/7/2026
4	Khảo sát thu thập số liệu trực tiếp tại NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2	- Tại NMNĐ TB2: Tổ máy số 1 từ ngày 10/8 - 29/8/2026 (20 ngày) - Tại NMNĐ SH1: + Tổ máy số 1 và 2 từ ngày 23/9 - 17/10/2026 (25 ngày)
5	Tính toán xác định định mức (hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công)	Từ ngày 20/10-30/11/2026
6	Dự thảo báo cáo kết quả xác định định mức (Tiểu tu đợt 1)	Từ ngày 01/12-31/12/2026
III	Trung tu (đợt 2)	
1	Thu thập và nghiên cứu hồ sơ dữ liệu	Từ 01/4-30/4/2026
2	Kiểm tra, rà soát lại danh mục định mức, tên công tác, mã hiệu định mức, đơn vị tính định mức BDSC (đã xác định Trung tu đợt 1) và bổ sung mới (nếu có)	Từ 01/5-31/5/2026
3	Kiểm tra, rà soát lại thành phần công việc của từng công tác BDSC (đã xác định Trung tu đợt 1) và bổ sung thành phần công việc của công tác BDSC (nếu có)	Từ ngày 01/6-31/7/2026
4	Khảo sát thu thập số liệu trực tiếp tại NMNĐ Thái Bình 2	Tại NMNĐ TB2: 05/9 - 19/10/2026 (45 ngày)

Stt	Nội dung	Dự kiến thời gian
5	Tính toán xác định định mức (hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công)	Từ ngày 01/11-31/12/2026
6	Dự thảo báo cáo kết quả xác định định mức (Trung tu đợt 2)	Từ ngày 01/01-31/3/2027
IV	Tiểu tu (đợt 2)	
1	Thu thập và nghiên cứu hồ sơ dữ liệu	Từ 01/5-31/5/2027
2	Kiểm tra, rà soát lại danh mục định mức, tên công tác, mã hiệu định mức, đơn vị tính định mức BDSC (đã xác định Tiểu tu đợt 1) và bổ sung mới (nếu có)	Từ 15/6-30/6/2027
3	Kiểm tra, rà soát lại thành phần công việc của từng công tác BDSC (đã xác định Tiểu tu đợt 1) và bổ sung thành phần công việc của công tác BDSC (nếu có)	Từ 01/7-31/7/2027
4	Khảo sát thu thập số liệu trực tiếp tại NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2	- Tại NMNĐ TB2: Tổ máy số 1 và số 2 từ ngày 10/8 - 24/9/2027 (46 ngày) - Tại NMNĐ SH1: Tổ máy số 2 từ ngày 03/10 - 17/10/2027 (15 ngày)
5	Tính toán xác định định mức (hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công)	Từ ngày 20/10-30/11/2027
6	Dự thảo báo cáo kết quả xác định định mức (Tiểu tu đợt 2)	Từ ngày 01/12-31/12/2027
V	Đại tu (đợt 1)	
1	Thu thập và nghiên cứu hồ sơ dữ liệu	Từ 01/4-30/4/2027
2	Xác định danh mục định mức, tên công tác, mã hiệu định mức, đơn vị tính định mức	Từ 01/5-31/5/2027
3	Xác định thành phần công việc của từng công tác BDSC	Từ ngày 01/6-31/7/2027
4	Khảo sát thu thập số liệu trực tiếp tại NMNĐ Sông Hậu 1	- Tại NMNĐ SH1: Tổ máy số 1 từ ngày 23/9- 21/11/2027 (60 ngày)
5	Tính toán xác định định mức (hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công)	Từ ngày 01/11-31/12/2027

Stt	Nội dung	Dự kiến thời gian
6	Dự thảo báo cáo kết quả xác định định mức (Đại tu đợt 1)	Từ ngày 01/01-31/3/2028
VI	Tiểu tu (đợt 3)	
1	Thu thập và nghiên cứu hồ sơ dữ liệu	Từ 01/5-31/5/2028
2	Kiểm tra, rà soát lại danh mục định mức, tên công tác, mã hiệu định mức, đơn vị tính định mức BDSC (đã xác định Tiểu tu đợt 1, 2) và bổ sung mới (nếu có)	Từ 15/6-30/6/2028
3	Kiểm tra, rà soát lại thành phần công việc của từng công tác BDSC (đã xác định Tiểu tu đợt 1, 2) và bổ sung thành phần công việc của công tác BDSC (nếu có)	Từ 01/7-31/7/2028
4	Khảo sát thu thập số liệu trực tiếp tại NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2	- Tại NMNĐ TB2: Tổ máy số 2 từ ngày 10/8 - 29/8/2028 (20 ngày) - Tại NMNĐ SH1: Tổ máy số 1 từ ngày 23/9 - 07/10/2028 (15 ngày)
5	Tính toán xác định định mức (hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công)	Từ ngày 20/10-30/11/2028
6	Dự thảo báo cáo kết quả xác định định mức (Tiểu tu đợt 3)	Từ ngày 01/12-31/12/2028
VII	Đại tu (đợt 2)	
1	Thu thập và nghiên cứu hồ sơ dữ liệu	Từ 01/4-30/4/2028
2	Kiểm tra, rà soát lại danh mục định mức, tên công tác, mã hiệu định mức, đơn vị tính định mức BDSC (đã xác định Đại tu đợt 1) và bổ sung mới (nếu có)	Từ 01/5-31/5/2028
3	Kiểm tra, rà soát lại thành phần công việc của từng công tác BDSC (đã xác định Đại tu đợt 1) và bổ sung thành phần công việc của công tác BDSC (nếu có)	Từ ngày 01/6-31/7/2028

Stt	Nội dung	Dự kiến thời gian
4	Khảo sát thu thập số liệu trực tiếp tại NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2	- Tại NMNĐ TB2: Tổ máy số 1 từ ngày 01/9 - 29/11/2028 (90 ngày) - Tại NMNĐ SH1: Tổ máy số 2 từ ngày 03/10 - 01/12/2028 (60 ngày)
5	Tính toán xác định định mức (hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công)	Từ ngày 01/01-28/02/2029
6	Dự thảo báo cáo kết quả xác định định mức (Đại tu đợt 2)	Từ ngày 01/3-31/3/2029
VIII	Tiểu tu (đợt 4)	
1	Thu thập và nghiên cứu hồ sơ dữ liệu	Từ 01/5-31/5/2029
2	Kiểm tra, rà soát lại danh mục định mức, tên công tác, mã hiệu định mức, đơn vị tính định mức BDSC (đã xác định Tiểu tu đợt 1, 2, 3) và bổ sung mới (nếu có)	Từ 15/6-30/6/2029
3	Kiểm tra, rà soát lại thành phần công việc của từng công tác BDSC (đã xác định Tiểu tu đợt 1, 2, 3) và bổ sung thành phần công việc của công tác BDSC (nếu có)	Từ 01/7-31/7/2029
4	Khảo sát thu thập số liệu trực tiếp tại NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2	- Tại NMNĐ TB2: Tổ máy số 1 từ ngày 10/8 - 29/8/2029 (20 ngày) - Tại NMNĐ SH1: + Tổ máy số 1 và 2 từ ngày 23/9-17/10/2029 (25 ngày)
5	Tính toán xác định định mức (hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công)	Từ ngày 20/10-30/11/2029
6	Dự thảo báo cáo kết quả xác định định mức (Tiểu tu đợt 4)	Từ ngày 01/12-31/12/2029
IX	Đại tu (đợt 3)	
1	Thu thập và nghiên cứu hồ sơ dữ liệu	Từ 01/5-31/5/2029
2	Kiểm tra, rà soát lại danh mục định mức, tên công tác, mã hiệu định mức, đơn vị tính định mức BDSC (đã xác định Đại tu đợt 1, 2) và bổ sung mới (nếu có)	Từ 15/6-30/6/2029

Stt	Nội dung	Dự kiến thời gian
3	Kiểm tra, rà soát lại thành phần công việc của từng công tác BDSC (đã xác định Đại tu đợt 1, 2) và bổ sung thành phần công việc của công tác BDSC (nếu có)	Từ 01/7-31/7/2029
4	Khảo sát thu thập số liệu trực tiếp tại NMNĐ Thái Bình 2	Tổ máy số 2 từ ngày 01/9-29/11/2029 (90 ngày)
5	Tính toán xác định định mức (hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công)	Từ ngày 01/12-30/12/2029
6	Dự thảo báo cáo kết quả xác định định mức (Đại tu đợt 3)	Từ ngày 01/12-30/12/2029
X	Hoàn thiện kết quả định mức (theo ý kiến góp ý nếu có)	Quý IV/2029

b) Dự kiến thời gian khảo sát thu thập số liệu trực tiếp tại NMNĐ Sông Hậu 1 và NMNĐ Thái Bình 2:

Bảng 5. Bảng thời gian khảo sát thu thập số liệu tại hiện trường

Stt	Nội dung	Thời gian BDSC định kỳ	Dự kiến khảo sát trong khoảng thời gian
I	Năm 2026		
1	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ TB2	10/8 - 29/8/2026	10/8 - 19/10/2026 (71 ngày)
2	Trung tu tổ máy số 2, NMNĐ TB2	05/9 - 19/10/2026	
3	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ SH1	23/9 - 07/10/2026	23/9 - 17/10/2026 (25 ngày)
4	Tiểu tu tổ máy số 2, NMNĐ SH1	03/10 - 17/10/2026	
II	Năm 2027		
1	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ TB2	10/8 - 29/8/2027	10/8 - 24/9/2027 (46 ngày)
2	Tiểu tu tổ máy số 2, NMNĐ TB2	05/9 - 24/9/2027	
3	Tiểu tu tổ máy số 2, NMNĐ SH1	03/10 - 17/10/2027	23/9 - 21/11/2027 (60 ngày)
4	Đại tu tổ máy số 1, NMNĐ SH1	23/9 - 21/11/2027	
III	Năm 2028		
1	Tiểu tu tổ máy số 2, NMNĐ TB2	10/8 - 29/8/2028	10/8 - 29/11/2028

Stt	Nội dung	Thời gian BDSC định kỳ	Dự kiến khảo sát trong khoảng thời gian
2	Đại tu tổ máy số 1, NMNĐ TB2	01/9 - 29/11/2028	(112 ngày)
3	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ SH1	23/9 - 07/10/2028	23/9 - 01/12/2028 (70 ngày)
4	Đại tu tổ máy số 2, NMNĐ SH1	03/10 - 01/12/2028	
IV	Năm 2029		
1	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ TB2	10/8 - 29/8/2029	10/8 - 29/11/2029 (112 ngày)
2	Đại tu tổ máy số 2, NMNĐ TB2	01/9 - 29/11/2029	
3	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ SH1	23/9 - 07/10/2029	23/9 - 17/10/2029 (25 ngày)
4	Tiểu tu tổ máy số 2, NMNĐ SH1	3/10 - 17/10/2029	

Để thực hiện công việc tư vấn xây dựng định mức dự toán cho những công tác nêu trên, đơn vị Tư vấn thực hiện 08 đợt khảo sát, trong đó thực hiện tại NMNĐ Sông Hậu 1 khảo sát 04 đợt, tại NMNĐ Thái Bình 2 khảo sát 04 đợt.

- Mỗi đợt khảo sát có 05 người;
 - Thời gian của 01 đợt khảo sát phụ thuộc vào thời gian thực hiện tiểu tu/trung tu/đại tu tại NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 tại Bảng 5.
- c) Dự kiến thời gian hoàn thành kết quả xác định định mức BDSC định kỳ

Bảng 6. Bảng dự kiến thời gian hoàn thành kết quả xác định định mức BDSC định kỳ

Stt	Nội dung	Báo cáo dự thảo kết quả định mức BDSC định kỳ	Dự kiến thời gian
I	Năm 2026		
1	Trung tu tổ máy số 1, NMNĐ SH1	Trung tu (đợt 1)	Quý III/2026
2	Trung tu tổ máy số 2, NMNĐ SH1		
3	Trung tu tổ máy số 1, NMNĐ TB2		
4	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ TB2	Tiểu tu (đợt 1)	Quý IV/2026
5	Tiểu tu tổ máy số 2, NMNĐ TB2		
6	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ SH1		
7	Tiểu tu tổ máy số 2, NMNĐ SH1		
II	Năm 2027		
1	Trung tu tổ máy số 2, NMNĐ TB2	Trung tu (đợt 2)	Quý I/2027
2	Tiểu tu tổ máy số 2, NMNĐ SH1	Tiểu tu (đợt 2)	Quý IV/2027
3	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ TB2		

Stt	Nội dung	Báo cáo dự thảo kết quả định mức BDSC định kỳ	Dự kiến thời gian
4	Tiểu tu tổ máy số 2, NMNĐ TB2		
III	Năm 2028		
1	Đại tu tổ máy số 1, NMNĐ SH1	Đại tu (đợt 1)	Quý I/2028
2	Tiểu tu tổ máy số 2, NMNĐ TB2	Tiểu tu (đợt 3)	Quý IV/2028
3	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ SH1		
IV	Năm 2029		
1	Đại tu tổ máy số 1, NMNĐ TB2	Đại tu (đợt 2)	Quý I/2029
2	Đại tu tổ máy số 2, NMNĐ SH1		
3	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ TB2	Tiểu tu (đợt 4)	Quý IV/2029
4	Tiểu tu tổ máy số 1, NMNĐ SH1		
5	Tiểu tu tổ máy số 2, NMNĐ SH1		
6	Đại tu tổ máy số 2, NMNĐ TB2	Đại tu (đợt 3)	
V	Hoàn thiện toàn bộ Bộ định mức BDSC định kỳ cho NMNĐ Sông Hậu 1 và Thái Bình 2		Quý IV/2029

VII. YÊU CẦU VỀ NHÂN SỰ

7.1. Yêu cầu về nhân sự đối với xây dựng định mức BDSC thường xuyên

Đơn vị Tư vấn phải bố trí đội ngũ chuyên gia có đủ năng lực, kinh nghiệm, cụ thể:

a) Vị trí Chủ nhiệm:

i) Số lượng: 01 người;

ii) Nhiệm vụ chính: Tổ chức triển khai nhiệm vụ tư vấn lập theo hợp đồng. Lãnh đạo và điều phối toàn bộ các hoạt động giữa các bên có liên quan trong việc thực hiện toàn bộ công việc tư vấn lập định mức.

iii) Bằng cấp: kỹ sư xây dựng hoặc kỹ sư kinh tế xây dựng hoặc kỹ sư hệ thống điện hoặc kỹ sư Cơ khí hoặc kỹ sư Nhiệt.

iv) Kinh nghiệm:

+ Chuyên gia tư vấn có bằng đại học, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 08 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ nhiệm hoặc chủ trì tổ chức,

điều hành tối thiểu một gói thầu tư vấn lập định mức.

v) Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ kỹ sư định giá hạng I.

b) Vị trí chủ trì - Trưởng nhóm:

i) Số lượng: 02 người;

ii) Nhiệm vụ chính: Lãnh đạo và điều phối hoạt động lập định mức của từng nhiệm vụ. Thực hiện công tác lập định mức. Phối hợp với các chuyên gia khác để hoàn thành kết quả xác định định mức. Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Chủ nhiệm.

iii) Bằng cấp: kỹ sư xây dựng hoặc kỹ sư kinh tế xây dựng hoặc kỹ sư hệ thống điện hoặc kỹ sư Cơ khí hoặc kỹ sư Nhiệt.

iv) Kinh nghiệm:

+ Chuyên gia tư vấn có bằng đại học, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 10 năm đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 05 năm đến dưới 08 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ trì hoặc trưởng nhóm thực hiện tối thiểu một gói thầu tư vấn lập định mức.

v) Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ kỹ sư định giá hạng I.

c) Vị trí Chuyên gia lập định mức:

i) Số lượng: 06 người.

ii) Nhiệm vụ chính: Thực hiện công tác lập định mức liên quan đến lĩnh vực chuyên môn đảm nhận. Phối hợp với các chuyên gia khác để hoàn thành kết quả xác định định mức. Thực hiện các công việc khác về chuyên môn theo yêu cầu của Chủ nhiệm/chủ trì.

iii) Bằng cấp: kỹ sư xây dựng hoặc kỹ sư kinh tế xây dựng hoặc kỹ sư hệ thống điện hoặc kỹ sư Cơ khí hoặc kỹ sư Nhiệt.

iv) Kinh nghiệm:

+ Chuyên gia tư vấn có bằng đại học, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 05 năm đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 03 đến dưới 05 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn tham gia tối thiểu một gói thầu tư vấn lập định mức.

v) Chứng chỉ hành nghề: có chứng chỉ kỹ sư định giá từ hạng II trở lên.

7.2. Yêu cầu về nhân sự đối với xây dựng định mức BDSC định kỳ

Đơn vị Tư vấn phải bố trí đội ngũ chuyên gia có đủ năng lực, kinh nghiệm, cụ thể:

a. Vị trí Chủ nhiệm:

i) Số lượng: 01 người;

ii) Nhiệm vụ chính: Tổ chức triển khai nhiệm vụ tư vấn lập theo hợp đồng. Lãnh đạo và điều phối toàn bộ các hoạt động giữa các bên có liên quan trong việc thực hiện toàn bộ công việc tư vấn lập định mức.

iii) Bằng cấp: kỹ sư xây dựng hoặc kỹ sư kinh tế xây dựng hoặc kỹ sư hệ thống điện hoặc kỹ sư Cơ khí hoặc kỹ sư Nhiệt.

iv) Kinh nghiệm:

+ Chuyên gia tư vấn có bằng đại học, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 08 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ nhiệm hoặc chủ trì tổ chức, điều hành tối thiểu một gói thầu tư vấn lập định mức.

v) Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ kỹ sư định giá hạng I.

b. Vị trí chủ trì - Trưởng nhóm:

i) Số lượng: 05 người;

ii) Nhiệm vụ chính: Lãnh đạo và điều phối hoạt động lập định mức của từng nhiệm vụ. Thực hiện công tác lập định mức. Phối hợp với các chuyên gia khác để hoàn thành kết quả xác định định mức. Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Chủ nhiệm.

iii) Bằng cấp: kỹ sư xây dựng hoặc kỹ sư kinh tế xây dựng hoặc kỹ sư hệ thống điện hoặc kỹ sư Cơ khí hoặc kỹ sư Nhiệt.

iv) Kinh nghiệm:

+ Chuyên gia tư vấn có bằng đại học, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 10 năm đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 05 năm đến dưới 08 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ trì hoặc trưởng nhóm thực hiện tối thiểu một gói thầu tư vấn lập định mức.

v) Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ kỹ sư định giá hạng I.

c. Vị trí Chuyên gia lập định mức:

i) Số lượng: 10 người.

ii) Nhiệm vụ chính: Thực hiện công tác lập định mức liên quan đến lĩnh vực chuyên môn đảm nhận. Phối hợp với các chuyên gia khác để hoàn thành kết quả xác

định định mức. Thực hiện các công việc khác về chuyên môn theo yêu cầu của Chủ nhiệm/chủ trì.

iii) Bằng cấp: kỹ sư xây dựng hoặc kỹ sư kinh tế xây dựng hoặc kỹ sư hệ thống điện hoặc kỹ sư Cơ khí hoặc kỹ sư Nhiệt.

iv) Kinh nghiệm:

+ Chuyên gia tư vấn có bằng đại học, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 05 năm đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 03 năm đến dưới 05 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn;

+ hoặc chuyên gia tư vấn tham gia tối thiểu một gói thầu tư vấn lập định mức.

v) Chứng chỉ hành nghề: có chứng chỉ kỹ sư định giá từ hạng II trở lên.

